

# NGUYỄN DU VÀ *TRUYỆN KIỀU* TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HỌC MIỀN NAM TRƯỚC 1975

TRẦN HOÀI ANH<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Có thể nói, trong tâm thức nhân dân miền Nam trước 1975, Nguyễn Du và *Truyện Kiều* không đơn thuần là một hiện tượng văn học mà còn là biểu tượng văn hóa dân tộc, là quốc hồn, quốc túy của văn chương nước nhà. Nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều*, vì thế, không chỉ là tìm hiểu một hiện tượng văn học mà còn góp phần giữ gìn *giòng sinh mệnh văn hóa* dân tộc, minh chứng cho sự tồn sinh của những di sản văn chương, trước cơn “bão tố” của làn sóng văn hóa “mưa Âu, gió Mỹ” đang tràn ngập xã hội miền Nam lúc bấy giờ. Bài viết hướng đến tìm hiểu những nội dung cơ bản trong việc nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 trên các bình diện: 1/ Cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du; 2/ Hoàn cảnh sáng tác và nguồn gốc *Truyện Kiều*; 3/ Triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều*; 4/ Tình yêu trong *Truyện Kiều*; 5/ Một số bình diện nghiên cứu khác về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Những công trình nghiên cứu này là di sản văn chương quý giá, góp phần xác quyết *nhân vị* và văn nghiệp Nguyễn Du trong văn học nước nhà mà nếu không tìm hiểu sẽ là một khiếm khuyết khi nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* với tư cách là một di sản văn chương, văn hóa dân tộc.

**Từ khóa:** Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, Văn học miền Nam trước 1975.

**Abstract:** It can be said that in the mind of the people of the South before 1975, Nguyễn Du and *The Tale of Kieu* was an important literary phenomenon and symbol of the national culture and literature, and the national soul for many people in southern Vietnam before 1975. Studying Nguyễn Du and *The Tale of Kieu* during this time was not to understand a literary phenomenon but also for the purpose of contributing to the preservation of the national culture that was at the face of “cultural storms” from Europe and America. This paper examines research projects on Nguyễn Du and *The Tale of Kieu* in southern Vietnam between 1954 to 1975. These contents include: 1/ Nguyễn Du’s life and literary career; 2/ the creation of and the origin of *The Tale of Kieu*; 3/ the humanist philosophy in *The Tale of Kieu*; 4/ love in *The Tale of Kieu*; and 5/ other research interests about Nguyễn Du and *The Tale of Kieu*. These research projects before 1975, the paper argues, are valuable literary heritage that further affirm Nguyễn Du’s and *The Tale of Kieu*’s status in our national literature. In other words, in order to comprehend Nguyễn Du and *The Tale of Kieu* as national cultural and literary heritage.

**Keywords:** Nguyen Du, *The Story of Kieu*, Southern literature before 1975.

## 1. Dẫn nhập

Có thể nói, một trong những hiện tượng văn học thời kỳ trung đại được quan tâm nghiên cứu khá nhiều trong đời sống văn học miền Nam trước 1975 là Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Bởi, trong tâm thức nhân dân miền Nam, Nguyễn Du và *Truyện Kiều*

không chỉ là một hiện tượng văn học mà còn là biểu tượng của văn hóa, là quốc hồn, quốc túy của dân tộc. Nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều*, vì thế, không chỉ là tìm hiểu một hiện tượng văn học mà còn góp phần giữ gìn “*giòng sinh mệnh văn hóa*” dân tộc trong bối cảnh nền văn hóa Âu Mỹ tràn ngập xã hội miền Nam. Thế nên, việc nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* ở miền Nam không chỉ có ý nghĩa khoa học

<sup>(\*)</sup> PGS.TS. - Trường Đại học Văn hóa, Tp. Hồ Chí Minh. Email: anhhoai1108@gmail.com.

mà còn có ý nghĩa thực tiễn minh chứng cho sự tồn sinh của di sản văn chương dân tộc. Nguyễn Văn Trung ở bài viết: “Đặt lại vấn đề *Truyện Kiều* hay phê - bình phê - bình văn học” trong *Chân dung Nguyễn Du - khảo luận*, (1960) đã khẳng định: “Khi nghe bàn về *Truyện Kiều*, chắc có người nói “Lại vấn đề *Truyện Kiều*!” Sự-kiện *Truyện Kiều* luôn luôn giữ được tính-cách thời-sự không những trong phạm-vi văn-chương, mà còn cả trong phạm-vi văn-hóa qua các thế-hệ là một bằng chứng nói lên giá-trị bất-hủ của một tuyệt-tác, một thiên-tài có sức quyến-rũ mãnh-liệt” [15, tr.32]. Vì vậy, việc nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* ở miền Nam luôn thu hút sự quan tâm của các học giả, các nhà lý luận, phê bình thể hiện trong các bài viết nhân kỷ niệm 200 sinh Nguyễn Du của Vũ Hạnh, Lê Văn Hào, Thuần Phong, Lý Văn Hùng, Bùi Hữu Sùng, Vương Hồng Sển, Bình Nguyên Lộc - Nguyễn Ngu Í, Trần Văn Khê, Huy Lực, Tràng Thiên... (*Bách khoa Thời đại*, số 209, 1965), hay các bài viết của Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê, Võ Hồng, Nguyễn Văn Xung, Lê Ngọc Trụ, Bửu Cầm... (*Văn*, số 43 & 44, 1965); hoặc các công trình: *Giá trị triết học tôn giáo trong Truyện Kiều* của Thích Thiên Ân (1966); *Thế giới thi ca Nguyễn Du*, của Nguyễn Đăng Thục (1971); “Nguyễn Du, nghệ thuật như một chiến thắng” trong *Vũ trụ thơ* của Đặng Tiến (1972)...

Ngoài ra, còn có các công trình khảo cứu, phê bình về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* hiện diện trong sách giáo khoa Quốc văn, sách khảo luận văn học như: *Việt Nam thi văn giảng luận* của Hà Như Chi (1956); *Khảo luận về Đoạn trường tân thanh* của Doãn Quốc Sỹ và Việt Tử, (1960); *Việt Nam văn học giảng bình* của Phạm Văn Diêu (1961); *Việt Nam văn học sử giản ước*

*tân biên tập 2* của Phạm Thế Ngũ (1962); *Văn học phân tích toàn thư* của Thạch Trung Giả (1973)...

Như vậy, trong đời sống văn học miền Nam trước 1975, Nguyễn Du và *Truyện Kiều* đã trở thành một phần không thể thiếu trong diện mạo văn học miền Nam, góp phần hình thành hệ giá trị: *Dân tộc, Nhân bản, Khai phóng* của văn chương theo tinh thần triết lý giáo dục ở miền Nam mà những bình diện nghiên cứu sau đây về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* là một xác chứng.

## 2. Những bình diện nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* ở miền Nam trước 1975

### 2.1. Cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du

Bàn về cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du trong văn học miền Nam có các bài viết: Nguyễn Đình Giang với “Thử tìm hiểu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* theo một phương pháp mới” (*Đại học*, số 8, 1959); Tô Thùy Yên với “Đi tìm Nguyễn Du” (*Văn nghệ*, số 17, 1962); Giản Chi với “Thân thế và sự nghiệp Nguyễn Du” (*Văn*, số 43, 1965); Vũ Hạnh với “Sự lớn lao của một thiên tài dân tộc”, “Trường hợp hai Nguyễn Du của *Đoạn Trường Tân Thanh*” (*Bách khoa Thời đại*, số 209, 1965); *Đọc lại Truyện Kiều* (1966); Nguyễn Văn Trung với “Tâm sự của Nguyễn Du qua *Truyện Kiều*” (*Tin văn*, số 12, 1967); Thanh Lãng với “*Đoạn Trường Tân Thanh* hay là cuộc đời kỳ quái của Nguyễn Du như được chiếu hắt lên trong tác phẩm của ông” (*Nghiên cứu văn học*, số 7-8, 1971); Nguyễn Đăng Thục với “Từ Vạn Hạnh đến Nguyễn Du” (*Nghiên cứu văn học*, số 9, 1971); Thanh Lãng với “Nguyễn Du như là một huyền thoại” (*Nghiên cứu văn học*, số 4-5-6, 1971)...

Khi cảm nhận về cuộc đời và văn nghiệp của nhà văn, nhất là những nhà văn có ảnh hưởng lớn đối với người đọc, không phải lúc nào các nhà nghiên cứu cũng có sự thống nhất mà tùy theo điểm nhìn, mỗi nhà nghiên cứu có cách cảm nhận khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau mà trường hợp Nguyễn Du và *Truyện Kiều* không phải là ngoại lệ. Bởi, với một xã hội đa nguyên về tư tưởng và văn hóa, luôn tôn trọng sự khác biệt như miền Nam trước 1975, việc các nhà nghiên cứu có những cảm nhận không giống nhau về cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du, là điều bình thường và có thể xác tín qua các công trình nghiên cứu sau. Năm 1956, khi biên soạn cuốn *Việt Nam thi văn giảng luận*, trong phần tìm hiểu về tiểu sử Nguyễn Du, Hà Như Chi cho rằng: “Muốn tìm hiểu cái thiên tài xuất chúng đã sản xuất ra tác phẩm *Đoạn trường tân thanh*, tưởng cũng nên chú ý đến những yếu tố sau này có lẽ đã ảnh hưởng lớn đối với tâm hồn cụ” [1, tr.25].

Doãn Quốc Sỹ - Việt Tử trong khảo luận về *Đoạn trường tân thanh* (1960) cũng viết về cuộc đời, văn nghiệp Nguyễn Du với những nét cơ bản về quê hương, gia đình dòng họ, trong đó, chú trọng thời kỳ ông ra làm quan với nhà Nguyễn, đặc biệt, từ khi Nguyễn Du được thăng “Cần chánh điện học sĩ và sung chức Chánh sử sang Tàu. Năm thứ 13 trở về nước, tiên sinh được nghỉ sáu tháng rồi được thăng chức lại Bộ hữu tham tri. Năm Minh Mạng nguyên niên tiên sinh lại được cử đi sứ Tàu, nhưng chưa kịp đi thì thụ bệnh rồi mất (1820) hưởng thọ 56 tuổi” [19, tr.11].

Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên tập 2* (1962), khi nghiên cứu về cuộc đời và văn nghiệp

Nguyễn Du trong mục “Con người, Hành trạng, Tác phẩm” đề cập đến ba yếu tố: 1/ Dòng dõi, quê quán, trong đó cũng đề cập đến vùng đất Nghi Xuân, Hà Tĩnh quê cha và Bắc Ninh quê mẹ cũng như dòng họ khoa bảng của truyền thống gia đình Nguyễn Du; 2/ Quãng đời tiền Nguyễn; 3/ Quãng đời dưới Nguyễn” [14, tr.348, 349, 350]. Về văn nghiệp có các tác phẩm: *Thanh hiền thi tập*; *Nam trung tạp ngâm*; *Bắc hành tạp lục*; *Văn tế thập loại chúng sinh*; *Thác lời trai phường nón*; *Bài văn tế sống Trường lưu nhị nữ*; *Truyện Kiều* hay *Đoạn trường tân thanh* [14, tr.350, 351].

Phạm Văn Diêu trong *Việt Nam văn học giảng bình* (1970), trình bày về tiểu sử, văn nghiệp Nguyễn Du cũng quan tâm đến quê hương Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh và dòng họ Nguyễn Tiên Điền, một: “dòng họ lớn có nhiều người ra làm quan với nhà Lê” [2, tr.45]. Đặc biệt, khi luận giải về cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du, Phạm Văn Diêu không viết theo văn phong khoa học mà ông đã lồng cảm xúc của mình trong nhiều trường đoạn, thể hiện những khúc quanh trong đời Nguyễn Du, sẽ ảnh hưởng đến dự phóng sáng tạo của thi nhân. Trong cảm nhận của Phạm Văn Diêu, 10 năm Nguyễn Du lưu lạc trên đất Bắc (từ năm 1786 đến 1795) là 10 năm “nhà thơ của chúng ta sống đời phiêu bạt, nổi trôi như ngọn cỏ bồng chẳng bén rễ nơi đâu, nay ở đâu nguồn, mai ở cuối bể, khi thì ngắm cảnh sơn thôn, xơ xác lạnh lùng, lúc thì trông trăng đêm nguyên tiêu vắng vẻ, cô đơn, lòng vẫn luôn luôn tưởng nhớ đến quê hương, đến anh em xiêu tán buồn tủi cho thân phận ăn nhờ ở đậu, túi rỗng tiền không, đầu ốm thường xuyên, làm cho tóc đầu sớm bạc [...] Cũng vào trong giai đoạn nổi trôi này, gia phả

còn cho biết chí hướng của Nguyễn Du vẫn luôn luôn tính việc phò Lê, chống Tây Sơn. Tuy nhiên người ta không rõ là ông đã hoạt động cụ thể như thế nào, chỉ biết là việc lớn không thành, ông đã tự coi mình như một kẻ lữ hành cô đơn đi giữa bóng chiều sắp tắt!” [2, tr.49]. Đây không phải là lối văn viết tiểu sử mà là lối viết chân dung văn học khá độc đáo của Phạm Văn Diêu.

Thạch Trung Giả trong *Văn học Phân tích Toàn thư* (1973), bàn về cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du, không trình bày thành một tiểu mục mà lồng vào các phần tổng luận khi giới thiệu về sáng tác của thi nhân. Chẳng hạn, khi nghiên cứu *Đoạn trường tân thanh* ông viết: “Quyển *Kiều* không những phản chiếu tư tưởng của Nguyễn Du mà lại cả tâm lý Nguyễn Du, cả phần ý thức và phần tiềm thức của tác giả. Hơn nữa nó còn phản chiếu cái nhân sinh vũ trụ quan, cái tín ngưỡng, cách cảm xúc của thời đại tác giả” [5, tr.368].

Không giống với cảm quan của các nhà nghiên cứu khác, khi bàn đến cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du, Lê Văn Hảo trong bài viết “Nguyễn Du và *Truyện Kiều* trong truyền thống dân gian” (*Bách khoa thời đại*, số 209, 1965) đã có cách tiếp cận riêng. Tác giả không trình bày tường minh tiểu sử, văn nghiệp Nguyễn Du mà từ điểm nhìn của các giá trị truyền thống dân gian để khắc họa chân dung nhà văn. Trong suy niệm của Lê Văn Hảo: “Sở dĩ *Truyện Kiều* bình dân như ít có tác phẩm nào sánh kịp trong văn chương thế giới, chẳng qua là vì thân thế và văn tài Nguyễn Du đã mật thiết tương quan với nếp sống, với tiếng nói của nhân dân đương thời, cũng như về sau tác phẩm ấy vẫn tiếp tục chi phối đậm đà đời sống văn

hóa dân tộc” [6, tr.5]. Trong bài viết của Lê Văn Hảo, Nguyễn Du hiện lên là một con người lãng đãng đa tình, phóng túng một cách nghệ sĩ bên cạnh một Nguyễn Du quan chức, một Nguyễn Du thi nhân.

Một điều không thể không nói đến ở bài viết của Lê Văn Hảo, đó là tư liệu được sử dụng trong bài đều “tham khảo” từ công trình của các nhà nghiên cứu văn học miền Bắc, thuộc “bên kia vĩ tuyến” như: Đào Duy Anh, Lê Trí Viễn, Hoài Thanh, Nguyễn Huệ Chi... mà ông đã trích dẫn khá nhiều khi luận giải các vấn đề liên quan đến cuộc đời và văn nghiệp Nguyễn Du nhưng không hề bị bất cứ sự cấm đoán nào của chính quyền Sài Gòn lúc bấy giờ. Và điều này, chúng ta sẽ thấy rõ hơn trong luận giải mang tính phản biện của Đặng Tiến về quan điểm của các nhà nghiên cứu miền Bắc mà Lê Văn Hảo viện dẫn như một cơ sở luận lý cho những biện giải của mình, khi Đặng Tiến cho rằng: “Từ Nguyễn Du đến Từ Hải, rồi đến Nguyễn Huệ, đến nông dân, giới văn học Hà Nội đã kết luận là *Truyện Kiều* có liên hệ mật thiết với giới vô sản, trên căn bản sáng tạo cũng như trên viễn vọng giải phóng. Nhờ đó mà giới bình dân ưa thích và Nguyễn Du lớn lao ở điểm đó. Ý kiến này đúc kết những khảo cứu của Hà Nội từ mười năm nay” [20, tr.14,15]. Và cũng theo Đặng Tiến: “Kết quả của những khảo cứu ấy (*những khảo cứu về Nguyễn Du và Truyện Kiều trong các tài liệu ở miền Bắc - THA*) được phản ánh phần nào trong bài viết *Nguyễn Du và Truyện Thống trong truyền thống dân gian* của Lê Văn Hảo đăng trên *Bách Khoa* số kỷ niệm Nguyễn Du vừa mới phát hành. Lê Văn Hảo chịu nhiều ảnh hưởng của tài liệu miền Bắc. Nhưng một công trình khảo cứu nếu chỉ đưa đến kết luận rằng *Truyện Kiều* là tác phẩm

của giai cấp vô sản thì dù công phu đến đâu cũng không phải là một công trình văn hóa. Từ những tài liệu về làng Tiên Điền đến giá trị sáng tạo *Truyện Kiều*, khoảng cách còn xa ngàn dặm, xa gấp vạn lần đường hàng không từ Hà Nội sang Paris và từ Paris đến tòa soạn *Bách Khoa* khi ông Lê Văn Hảo hạ bút kết luận: “Nguyễn Du đã đứng về phía nhân dân mà nghĩ về thân phận làm người trong thời loạn” thì kết luận ấy đã đi ra ngoài phạm trù mỹ học. Nói như thế không phải là chúng tôi không đồng ý với cái “nội dung nhân dân” của *Truyện Kiều*: trái lại chúng tôi chấp nhận giả thuyết đó cũng như đã chấp nhận “nội dung độc độc” theo Ngô Đức Kế, “nội dung Phật giáo” theo Trần Trọng Kim, “nội dung phong kiến” theo Nguyễn Bách Khoa, “nội dung hiện sinh” theo một bài trên báo *Đại học* xuất bản tại Huế” [20, tr.15,16].

Ý kiến của Đặng Tiến xung quanh việc phản biện quan điểm trong các bài nghiên cứu về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* của các nhà phê bình văn học ở miền Bắc được Lê Văn Hảo viện dẫn trong bài khảo cứu của mình, có thể đúng hoặc chưa đúng, hoặc còn những vấn đề cần được tranh luận, trên cơ sở những luận chứng khoa học. Song, khách quan mà xét, ý kiến của Đặng Tiến cũng đã chỉ ra những hạn chế của lối phê bình xã hội học dung tục, không dựa trên một cơ sở triết mỹ nào, thậm chí “chính trị hóa” những vấn đề nghệ thuật đã trở thành một xu hướng của lý luận phê bình vốn không xa lạ gì trong đời sống văn học nước nhà mà cho đến nay không phải không còn hiện hữu trong tư duy ở một bộ phận các nhà nghiên cứu. Mặt khác, những ý kiến trao đổi của Đặng Tiến cũng cho thấy tính dân chủ, tính phản biện của một nền lý luận phê bình đa nguyên vốn

là một phẩm tính không thể thiếu của lý luận phê bình văn học miền Nam trước 1975. Đồng thời cũng cho thấy tiêu chí để lượng định giá trị một tác phẩm văn học chính là những mỹ cảm tác phẩm mang lại cho người đọc, chứ không phải là sự áp đặt chủ quan từ những biện giải thiếu cơ sở mỹ học của các nhà phê bình. Phải chăng, điều này cũng đặt ra cho các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình hôm nay những nghĩ suy để không ngừng đổi mới tư duy sáng tạo trên hành trình xây dựng một nền lý luận phê bình văn học dân chủ, nhân văn và khai phóng.

## 2.2. Hoàn cảnh sáng tác và nguồn gốc *Truyện Kiều*

Nghiên cứu về hoàn cảnh sáng tác và nguồn gốc *Truyện Kiều* ở đời sống văn học miền Nam trước 1975, có thể kể đến một số bài viết trong *Chân dung Nguyễn Du* (Nhiều tác giả, 1960), “Thanh Tâm Tài Nhân là ai?” của Lý Văn Hùng và Bùi Hữu Sùng; “Theo gót Nguyễn Du trên đường đi sứ” (*Bách Khoa Thời đại*, số 209, 1965) của Bùi Hữu Sùng; “Nguồn gốc của *Truyện Kiều*” (*Văn*, số 43, 1965) của Giản Chi; “Cần có một bản hiệu chú *Truyện Kiều*” (*Văn*, số 44, 1965) của Lê Ngọc Trục; *Các thuyết văn học* của Phạm Văn Đăng (1975)...

Khi tìm hiểu *Truyện Kiều*, các nhà nghiên cứu đều quan tâm đến thời điểm sáng tác với hai xu hướng, đó là *Truyện Kiều* được sáng tác trước hay sau thời gian Nguyễn Du nhận lời làm quan cho nhà Nguyễn. Điều này cho thấy thời điểm sáng tác *Truyện Kiều* trong tâm thức của các nhà nghiên cứu miền Nam trước 1975 vẫn chưa có sự thống nhất. Phạm Văn Đăng với *Các thuyết văn học*, trong phần niên đại *Đoạn trường tân thanh* đã đề cập đến thuyết của Bùi Kỳ, Trần

Trọng Kim cho rằng Nguyễn Du viết *Đoạn trường tân thanh* sau khi đi sứ Tàu về, nghĩa là sau 1813. Còn Đào Duy Anh thì cho rằng Nguyễn Du viết *Đoạn trường tân thanh* trước khi đi sứ và sau khi làm quan với nhà Nguyễn. Bên cạnh đó, tác giả cũng nêu một thuyết gần đây ở miền Nam cho rằng *Đoạn trường tân thanh* không chỉ được Nguyễn Du viết trước khi đi sứ mà còn viết trước khi làm quan với nhà Nguyễn. Theo Phạm Văn Đăng: “Thuyết này được coi là “một khám phá” đánh đổ nhiều quan niệm của người đời gán cho Nguyễn Du và tác phẩm *Đoạn trường tân thanh*. Tuy nhiên, bằng chứng mà thuyết này đưa ra không có một giá trị văn chương nào cả” [4, tr.83,84], nên theo Phạm Văn Đăng: “trong số các thuyết nói về năm làm *Truyện Kiều* chỉ có thuyết của Đào Duy Anh tương đối vững chắc, nhưng người đọc hy vọng vào các thuyết mới ở tương lai” [4, tr.84].

Bên cạnh đi tìm lời giải cho hoàn cảnh sáng tác *Truyện Kiều*, việc đi tìm nguồn gốc *Truyện Kiều* cũng là vấn đề được các nhà nghiên cứu văn học miền Nam quan tâm nhưng vẫn chưa tìm thấy tiếng nói chung. Bởi, đây là một vấn đề khoa học cần có những cứ liệu cụ thể, chính xác, bảo đảm tính khách quan, không suy diễn một cách tùy tiện, vô căn cứ, nhất là hiện nay trên báo *Tuổi trẻ* số ra ngày thứ năm (17/9/2020) trong bài “Thử giải mã” lại *Truyện Kiều* của Thái Lộc - Sơn Lâm trích lời nhà nghiên cứu Lê Nghị cho rằng: “Dựa vào văn bản, chúng tôi phát hiện ra rằng *Truyện Kiều* mới là gốc của *Kim Vân Kiều truyện* ở Việt Nam. Rồi từ *Kim Vân Kiều truyện* của Việt Nam người ta mới phóng tác *Kim Vân Kiều truyện* ở Trung Quốc”. Và toàn bộ bài viết của mình, ông đưa ra những cứ liệu khoa học

minh chứng cho tiền đề này để đi đến xác quyết: “*Truyện Kiều* có trước *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Tử Việt Nam, *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân Trung Quốc chỉ là sản phẩm ăn theo, tên tác giả cũng là tự đặt” [13, tr.10]. Đây là ý kiến có thể gây một cú “sốc văn hóa” nhưng không phải là không đáng để các nhà “Kiều học” quan tâm, vì nó đưa ra những cứ liệu khoa học mới, khác với ý kiến của các nhà nghiên cứu lâu nay về *Truyện Kiều* khi đa số họ đều bị “ám thị” bởi, quan niệm cho rằng *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có nguồn gốc từ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân ở “xứ Tàu”. Và sự khác biệt trong quan điểm nghiên cứu về nguồn gốc *Truyện Kiều* cũng thể hiện trong đời sống văn học miền Nam trước 1975.

Hà Như Chi trong *Việt Nam thi văn giảng luận* (1956) khi bàn về lai lịch *Đoạn trường tân Thanh* đã cho rằng: “Một truyền thuyết thường cho rằng cụ Nguyễn Du đã phỏng theo một truyện ngắn chép sự tích Vương Thúy Kiều trong tập sách Tàu nhan đề là *Ngu sơ tân chí*, tác giả là Dư Hoài tự Đàm tâm mà viết nên *Đoạn - trường tân - thanh* [...] Ngày nay có bằng cứ chắc chắn là nguồn gốc trực tiếp của *Đoạn - trường tân - thanh* chính là cuốn *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh - Tâm tài - nhân [...]. Điều đáng chú ý là cụ Nguyễn Du đã giữ y nguyên sự tích của *Kim Vân Kiều truyện* mà không thêm bớt gì. Nhưng nguyên văn thì tự thuật rườm rà, tỉ mỉ, có đoạn hơi thô lỗ, kết cấu lại quá dễ dãi, rời rạc, trái lại *Đoạn - trường tân - thanh* là một công trình nghệ thuật cân đối hoàn hảo, kết cấu chặt chẽ, sít sao, tình ý đậm đà khéo léo, văn chương tươi đẹp, thấm đượm màu sắc Việt Nam và đầy thi vị” [1, tr.28, 29]. Còn trong *Các thuyết văn*

học, khi bàn về nguồn gốc *Truyện Kiều*, Phan Văn Đăng nêu ra hai thuyết đó là quan điểm của Phạm Quỳnh cho rằng: “lai lịch của *Đoạn trường tân thanh* là cuốn *VƯƠNG - THÚY - KIỀU TRUYỆN* của Dư Hoài” và ý kiến của Dương Quảng Hàm cùng các học giả khác thì “cho nguồn gốc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là một cuốn tiểu thuyết Tàu, nhan đề là *KIM - VÂN - KIỀU TRUYỆN* của Thanh Tâm Tài Nhân” [4, tr.85], từ đó tác giả nêu ra chủ kiến của mình khi cho rằng: “Ta có thể nói rằng *VƯƠNG - THÚY - KIỀU TRUYỆN* của Dư Hoài làm Nguyễn Du cảm thương thân thế của nàng Kiều, đến khi ông đọc *KIM - VÂN - KIỀU TRUYỆN* của Thanh Tâm Tài Nhân thì Nguyễn Du đã dựa vào những tình tiết ở trong đó để sáng tác *ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH*. Tóm lại hai tác phẩm *VƯƠNG - THÚY - KIỀU TRUYỆN* và *KIM - VÂN - KIỀU TRUYỆN* đều là nguồn gốc của *ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH* mà *VƯƠNG - THÚY - KIỀU TRUYỆN* chính là nguồn gốc “đầu tiên” của *TRUYỆN KIỀU* vậy” [4, tr.108].

Cũng trong trường nhận thức này, Phạm Thế Ngũ ở *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên tập 2* (1962), khi luận bàn về nguồn gốc *Truyện Kiều* đã xác quyết: “Về nguồn gốc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, vấn đề có thể coi như đã được giải quyết. Nguyễn Du đã phỏng theo một quyển tiểu thuyết Tàu nhan đề là *Kim Vân Kiều truyện*. Ông Dương Quảng Hàm đã tìm được một bản tiểu thuyết ấy, in ở bên Tàu (vì không kiêng chữ húy các triều vua ta). *Truyện* bằng văn xuôi có bốn quyển chia làm 20 hồi do Thanh Tâm Tài Nhân (hẳn là một bút hiệu) soạn và Kim Thánh Thán bình luận. Dem so sánh tác phẩm của Nguyễn Du với cuốn tiểu thuyết trên về nội dung thì thấy

đại cương tình tiết hai quyển giống nhau. Các việc chính các vai nói đến trong *Truyện Kiều* đều có cả trong cuốn tiểu thuyết Tàu” [14, tr.351].

Như vậy, phần lớn các nhà nghiên cứu ở miền Nam trước 1975 khi bàn về nguồn gốc *Truyện Kiều* đều cho rằng *Truyện Kiều* của Nguyễn Du bắt nguồn từ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân bên Trung Hoa. Và điều này cũng không khác gì với quan niệm của các nhà nghiên cứu trên cả nước về *Truyện Kiều* từ xưa đến trước khi có ý kiến của ông Lê Nghị trên báo *Tuổi trẻ* ra ngày thứ năm (17/9/2020).

### 2.3. Triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều*

Vấn đề triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều* là bình diện các nhà nghiên cứu văn học quan tâm luận bàn và lý giải từ những điểm nhìn luân lý và triết học khác nhau, có thể nhận biết trong đời sống văn học miền Nam trước 1975 qua các bài viết: Trần Thanh Hiệp với “Để giải quyết mâu thuẫn trong *Đoạn trường tân thanh*” (*Sáng tạo*, số 3, 1957); Nguyễn Sa với “Nguyễn Du trên những nẻo đường tự do” (*Sáng tạo*, số 12, 1957); Nguyễn Sĩ Tế với “Triết lý đoạn trường” (*Sáng tạo*, số 2, 1958); Lê Tuyên với “Thời gian hiện sinh trong *Đoạn Trường Tân Thanh*” (*Đại học*, số 9, 1959); Phan Xuân Sanh với “Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam” (*Đại học*, số 9, 1959); Tô Thùy Yên với “Đi tìm Nguyễn Du” (*Văn nghệ*, số 17, 1962); Đàm Quang Thiện với *Ý Niệm bạc mệnh trong đời Thúy Kiều* (1965); Tuệ Sỹ với “Tư tưởng Phật giáo đối diện với hư vô” (*Tư tưởng*, số 3, 1970); Chơn Hạnh với “Nguyễn Du trên con đường trở về của Phật giáo” (*Tư tưởng*, số 8, 1970);

Nguyễn Đăng Thục với “Bóng trăng thiên với Nguyễn Du” (*Tư tưởng*, số 8, 1970); Thanh Lãng với “*Đoạn trường tân thanh* hay là cuộc đời kỳ quái của Nguyễn Du như được chiếu hắt lên trong tác phẩm của ông” (*Nghiên cứu văn học*, số 8, 1971)...

Nghĩ về triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Văn Trung ở bài viết: “Đặt lại vấn đề *Truyện Kiều* hay phê bình phê bình văn học” trong *Chân dung Nguyễn Du*, đã cho rằng: “*Truyện Kiều* là một tuyệt tác; *Truyện Kiều* không phải là một tác phẩm triết lý hay luân lý nhưng không phải bảo *Truyện Kiều* không bao hàm triết lý hay luân lý; Có triết lý luân lý trong *Truyện Kiều* nhưng đó là những *thái độ, hành động* không phải dưới hình thức một hệ thống để chứng minh cái gì: Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* không có ý chứng minh một tư tưởng, vì nếu có ý chứng minh tại sao có những mâu thuẫn trong hành động của Kiều? Một quan niệm vẫn được công nhận là coi *Truyện Kiều* như một chứng minh thuyết định mệnh” [15, tr.50]. Như vậy, theo Nguyễn Văn Trung: “Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* không có ý chứng minh một tư tưởng” nhưng không vì thế mà phủ nhận tính tư tưởng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Bởi, tính tư tưởng với tư cách là một ý niệm triết lý nhân sinh là một phẩm tính của nhà văn và là một yếu tính của tác phẩm văn học. Bao trùm tâm thức Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* là triết lý nhân sinh, thể hiện suy niệm của thi sĩ về cuộc đời, về thân phận và đây cũng là một trong những vấn đề mà các nhà nghiên cứu văn học ở miền Nam trước 1975 quan tâm luận bàn.

Trong *Việt Nam thi văn giảng luận*, ở phần giới thiệu và tìm hiểu về Nguyễn Du

cùng *Truyện Kiều*, Hà Như Chi cho rằng tư tưởng định mệnh của Nguyễn Du “không vượt khỏi mức tư tưởng của bình dân”, vì thế, trong *Việt Nam thi văn giảng luận* khi bàn về triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều*, Hà Như Chi cho rằng *Đoạn trường tân thanh* là sự trộn lẫn của tư tưởng Phật giáo, Nho giáo và tư tưởng bình dân thông thường. Nghĩa là: “Cụ Nguyễn Du không những chịu ảnh hưởng của triết lý đạo Nho, đạo Phật mà cụ đã tìm thấy trong sách vở, cụ lại còn chịu ảnh hưởng của tinh thần bình dân, vì những tin tưởng trên đây (tiền định, quả báo, thừa trừ) không phải rút ở đạo Nho, đạo Phật mà là những tư tưởng thông thường trong dân chúng [...] Tư tưởng bình dân đã biến đổi chữ mệnh của Nho giáo theo ý nghĩa thông thường của chữ “định mệnh” tức là một ý muốn tối vĩnh, tối đại của trời đất con người không thể hiểu thấu và không có cách gì làm trái được” [1, tr.88, 90]. Nhưng suy cho cùng, theo Hà Như Chi: “Nguyễn Du không phải là một nhà tư tưởng mà chỉ là một nghệ sĩ” [1, tr.92].

Triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều* từ điểm nhìn của Phạm Thế Ngũ ở *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* tập 2, đó là triết lý “Tài mệnh và duyên nghiệp” theo đó, Nguyễn Du: “không phải chỉ thuật lại bước đoạn trường, mà còn đưa ra một thuyết để cắt nghĩa, thuyết “tài mệnh tương phùng”, ông đưa ra khi nhập đề, cùng với kinh nghiệm đoạn trường: *Trăm năm trong cõi người ta [...] Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*. Trong cái công thức *tài mệnh tương phùng* có chữ mệnh cần phải hiểu rõ nghĩa. *Mệnh* ở đây không hẳn là số mệnh như ở các khoa bói toán, cũng không là thiên mệnh như trong quan niệm của nho gia. Chữ mệnh đây có nghĩa là một đời người với số hạn



cùng những may rủi, sướng khổ của nó...” [14, tr.364]. Và từ những suy niệm này, Phạm Thế Ngũ đi đến kết luận: “Nguyễn Du trong hệ thống tư tưởng của ông đã luận cổ suy kim, luận kỹ suy nhân mà tìm ra một câu trả lời là bởi tài mệnh ghét nhau. Giải pháp ấy cũng có tất cả chiều sâu của một triết lý, hơn nữa kinh nghiệm của một cuộc đời” [14, tr.364]. Cùng với thuyết tài mệnh, Phạm Thế Ngũ cũng bàn đến “việc can thiệp của Phật thuyết” mà theo luận giải của ông: “Tác giả đã đem cái lẽ tài mệnh ấy mà chồng chập lên cái lẽ nhân quả của nhà Phật. Kiều phải dầy vào kiếp đoạn trường không phải chỉ vì tài mệnh tương đố mà cũng bởi cái nghiệp của nàng đã hình thành từ kiếp trước. Có nhân quả, có duyên nghiệp tức là có khả năng biến cải, có tự do cho con người. Do đó mà có sự cân phúc cân tội để đi đến sự cứu vớt ở sông Tiền Đường. Để đi đến một kết luận xây dựng là con người có thiện chí có thể đem cái thiện tâm mà sửa đổi cái nghiệp mà lung lay phần nào cái định luật gang thép “tài mệnh tương phùng” ở trên” [14, tr.365].

Thạch Trung Giả trong *Văn học phân tích toàn thư* thì cho rằng: “*Đoạn trường tân thanh* là một cuốn tiểu thuyết bằng thơ có luận đề, đó là thuyết “Tài mệnh tương đố” mà thuyết này là một trường hợp của thuyết “Định Mệnh”. Muốn chứng minh thuyết Định Mệnh tác giả đã dùng đến bóng ma Đạm Tiên báo trước những việc xảy ra trong đời Kiều” [5, tr.339].

Cũng nhìn nhận triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều* từ góc nhìn của Nho, Phật và Đạo nhưng trong *Khảo luận về Đoạn trường tân thanh*, Doãn Quốc Sỹ và Việt Tử không luận giải vấn đề từ điểm nhìn triết lý Nho

Phật Lão mà lại xuất phát từ những “nguyên lý đạo đức” của dân tộc Việt trong đời sống thường ngày và xác quyết: “Sở dĩ *Truyện Kiều* rung cảm toàn dân chính vì *Truyện Kiều* đã kết tinh cao độ tất cả nhân sinh quan và triết lý của người Việt [...] Phải là người Việt, đọc hiểu bằng giác quan Việt mới cảm thông hết cái hay của *Truyện Kiều*, mới hiểu được Nguyễn Du và tìm thấy cả giá trị luân lý, cái nền luân lý rộng rãi bao dung độc đáo Việt” [19, tr.53]. Cũng trong cảm quan nghiên cứu triết lý nhân sinh ở *Truyện Kiều* từ điểm nhìn của Khổng giáo, Đạo giáo và Phật giáo, Nguyễn Khoa trong khảo luận “Thử so sánh *Chinh phụ ngâm khúc* với *Đoạn trường tân thanh*” (*Nguyệt san Văn hóa*, số 54, 1960) khi luận về triết lý trong hai tác phẩm này đã cho rằng: “Chinh phụ là nạn nhân của chiến tranh, Thúy Kiều là nạn nhân của một xã hội đồi trụy, nạn nhân của chế độ quan liêu thối nát của cảnh người bóc lột người để thỏa mãn thú tính. Nhưng cả ba nhà Nho đều tin tưởng vào thuyết thiên mệnh, đặt luận đề cho văn phẩm mình giống in nhau. Với Đặng Đoàn, lời than dài áo nào: *Xanh kia thăm thăm từng trên/ Vì ai gây dựng cho nên nỗi này*. Với Nguyễn Du, trịnh trọng, đàng hoàng: *Trăm năm trong cõi người ta/ Chũ tài chũ mệnh khéo là ghét nhau*. Cùng chịu ảnh hưởng của Nho giáo nên nhân vật của Tiên Điền thì hiểu nghĩa, nhân vật của Đặng Đoàn không chỉ hiểu nghĩa mà còn trình liệt và trung chính. Triết lý các khúc ngâm chỉ gồm trong triết lý Khổng - Mạnh. Triết lý *Truyện Kiều*, ngoài triết lý Khổng - Mạnh lại thêm triết lý nhà Phật với thuyết nhân quả. Nào luật thừa trừ và nhân sinh quan phổ thông của người xưa, “bỉ sắc tứ phong”. *Truyện Kiều* chẳng những nhuộm màu sắc tam giáo lại thêm nhiều giá

trị xã hội. Chính các giá trị xã hội sống đôi với các giá trị tư tưởng nói trên đã khiến cho thiên truyện hấp dẫn độc giả” [10, tr.1270].

Có thể nói, *Truyện Kiều* là nơi hợp lưu của nhiều tư tưởng triết học nên tùy điểm nhìn của mỗi hệ tư tưởng, người nghiên cứu sẽ khám phá những ý nghĩa nhân sinh khác nhau của tác phẩm. Vì vậy, từ khi miền Nam tiếp nhận triết học phương Tây như: phân tâm học, chủ nghĩa hiện sinh... *Truyện Kiều* lại mang một ý nghĩa triết lý nhân sinh mới mà nếu nhìn từ hệ qui chiếu của triết học phương Đông thì không thể giải mã được. Chẳng hạn, ở tiểu luận “Nguyễn Du trên những nẻo đường tự do” (*Sáng tạo*, số 12, 1957), từ điểm nhìn triết học hiện sinh, Nguyễn Sa cảm nhận vấn đề “định mệnh” như một phương diện của triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều* khi ông cho rằng: “Thúy Kiều không phải là con cờ của định mệnh mà nàng đã tự do lựa chọn số phận và định mệnh của mình”, chính Kiều đã gán đời mình vào định mệnh “Nàng đứng trước ngã ba xem một bản họa đồ trước khi đi vào con đường gai góc. Nếu ta gọi hoàn cảnh đó là định mệnh thì Nàng đã đem lại cho định mệnh giá trị của định mệnh bởi vì nếu nàng không tự ý bán mình chuộc cha thì làm gì có định mệnh cho đời nàng. Nàng đã tính toán: cửa nhà tan nát và mình sẽ lên đênh. Nhưng đó mới là một giả thiết. Có thể cửa nhà sẽ tan nát nhưng còn nàng sẽ được đoàn tụ với Kim Trọng thì sao? Làm gì còn định mệnh. Tự do của Thúy Kiều đã đẻ ra định mệnh” [17, tr.51,52]. Và từ dòng tâm thức triết lý về định mệnh và việc chống lại định mệnh như quan điểm của Nguyễn Sa, Nguyễn Sỹ Tế trong “Triết lý đoạn trường” đã đặt một vấn đề khá lý thú đó là triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều* là triết lý về định mệnh

hay thân phận con người. Và cũng từ hệ qui chiếu của chủ nghĩa hiện sinh, Nguyễn Sỹ Tế đã vượt lên cái nhìn hữu hạn của tư tưởng định mệnh theo kiểu Nho giáo vốn được nhiều nhà nghiên cứu từ trước nói đến khi tiếp nhận *Truyện Kiều* để thổi vào tác phẩm một cái nhìn mới từ một hệ tư tưởng mới: “Xưa kia, các tác giả Đông - Tây nói tới Định mệnh, ngày nay thêm những nhận thức mới người ta nói tới “Thân phận con người”. Đặt vấn đề Định mệnh hay thân phận con người thì đó cũng là một thực thể nhiều khi ở trong một cái vòng phi lý mà người đời phải nhận... Chúng ta đã nói tới thái độ của Thúy Kiều trong cơn thống khổ. Nàng như đã tự sửa soạn để đón nhận sự Đau khổ. Do đó đoạn trường hầu như cũng không quật ngã được trọn vẹn người con gái đó. Cả cuộc đời nàng là một cái gương cường lại định mệnh” [15, tr.61]. Và cũng theo Nguyễn Sỹ Tế nếu hiểu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du từ góc nhìn rộng mở này thì: “Tiếng than khóc trong *Đoạn trường tân thanh* không còn ý nghĩa kháng đối cái xã hội gọi là phong kiến Trung Hoa đời Minh hay cái xã hội Việt Nam đầu nhà Nguyễn. Trong những nét ghi nhận rộng lớn của nhà thơ thì hai cái xã hội đó cũng giống như một xã hội thời xưa nào đó, một xã hội thời nay nào đó, xã hội nhân loại trong những nét muôn thuở của nó, xã hội trong đó thân phận con người rui ro chỉ là: *Phận bèo bao quản nước sa/ Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh*” [15, tr.63].

Như vậy, với việc vận dụng triết học hiện sinh, các nhà nghiên cứu đã đem đến những ý nghĩa mới làm phong phú triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều*. Và từ điểm nhìn của triết học phương Tây, các nhà nghiên cứu đã “hiện đại hóa” tư tưởng Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, đồng thời cũng “lạ hóa”

cái nhìn và suy nghĩ vốn đã quen thuộc của người đọc về *Truyện Kiều*. Nhận xét về vấn đề khám phá ý nghĩa nhân sinh trong *Truyện Kiều* từ điểm nhìn của chủ nghĩa hiện sinh, Thanh Lăng rất có lý khi cho rằng: “Ở trong Nam sau khi người ta đã chán phân tích để khen chê một cách lảm nhảm từ cách đặt câu, chọn tiếng, một lớp nhà phê bình trẻ chịu ảnh hưởng của học thuyết hiện sinh đã đem ra một lối nhìn mới về Kiều. Theo họ Kiều là một trường hợp, là một thân phận làm người phải dấn thân vào cuộc đời. Trong cuộc dấn thân ấy, Kiều phải đặt vào giữa những lựa chọn bi đát, đã phải đối phó với những cảnh đời bế tắc, bi thảm. Kiều chẳng qua là một sự suy tư về cuộc đời, một sự chiêm ngưỡng bi đát về thân phận làm người của con người” [11, tr.16]. Nhận định của Thanh Lăng cũng minh chứng cho thấy phần nào những biến đổi về quan niệm triết lý nhân sinh trong *Truyện Kiều* ở các nhà nghiên cứu văn học miền Nam trước 1975.

#### 2.4. Vấn đề tình yêu trong *Truyện Kiều*

Cùng với việc luận bàn triết lý nhân sinh, vấn đề tình yêu trong *Truyện Kiều* cũng được quan tâm nghiên cứu từ những điểm nhìn khác nhau. Bàn về tình yêu trong *Truyện Kiều* luôn ám ảnh bút lực của các nhà nghiên cứu thể hiện qua một số bài viết như: Vũ Khắc Khoan với “Nguyễn Du và Tình yêu” (*Chân dung Nguyễn Du*, 1960); Đông Hồ với “Nghĩ về thế ước trong *Truyện Kiều*” (*Văn*, số 44, 1965); Vũ Hạnh với “Kim Trọng, Thúy Kiều hay là những bóng mờ trong khuôn tình sử” (*Văn*, số 43, 1965); Tràng Thiên với “Cách yêu mỗi thời” (*Bách khoa*, số 209, 1965); Phạm Văn Song với “Vài cảm nghĩ về *Truyện Kiều* hay mối tình Thúy Kiều, Kim Trọng” (*Nghiên cứu văn*

*học*, số 9, 1971); Thiên Thụy với “Một Thúy Kiều, ba tình yêu” (*Nghiên cứu văn học*, số 9, 1971)...

Theo cảm nhận của Vũ Khắc Khoan: “*Độc Đoạn trường tân thanh*, đọc lại nhất là những vần mô tả tình yêu, theo dõi những cuộc tình duyên trong tác phẩm, rồi chấp nối, hàn gắn, tưởng tượng, tôi tự an ủi có thể một phần nào tìm thấy dấu vết những suy - tư của họ Nguyễn về một thứ duyên nợ của kiếp làm người: Tình yêu. Những suy - tư đó - hay cho đúng danh từ thời thượng - luyến ái quan đó chắc là phức tạp, chắc là phong phú” [15, tr.93,94]. Và theo Vũ Khắc Khoan người được yêu nhiều nhất và cũng khổ đau nhiều nhất trong *Đoạn trường tân thanh* đó là Thúy Kiều và “Lấy tình yêu làm tiêu chuẩn, đọc *Đoạn trường tân thanh*, tôi thấy rõ được làm khán giả một vũ khúc mà người vũ nữ Thúy - Kiều phải bước vào cho tới nhịp Bạc mệnh cuối cùng. Mỗi bước của nàng tiêu biểu cho một bộ mặt của Tình Yêu: từ bước *tình đầu* e ấp chàng Kim qua bước *tình hám* nhậy nhạ sa lầy họ Mã, bước *tình si* Thúc Sinh, những bước dập dìu ong bướm, bước *tình hiệp* người trượng phu Từ Hải, bước *tình hèn* quay quắt viên đại tướng họ Hồ, đến bước mơ hoảng lão Thổ quan” [15, tr.94]. Trong cảm quan của Vũ Khắc Khoan, tình yêu trong *Truyện Kiều*: “Chỉ còn lại ba mối tình đáng kể: Kim - Kiều, Thúc - Kiều và Từ Hải với Kiều. Tôi có thể loại nốt hai mối tình sau. Như vậy là vì nhiều cố. Cố thứ nhất là do cái lý thông thường hiểu nghĩa chữ yêu. Tình yêu không thể đơn độc một chiều. Tình yêu chỉ có nghĩa khi người trong cuộc cùng đồng thanh xướng họa [...]. Cố thứ hai là do sự bất bình đẳng của người trong cuộc. Đối với Thúc và Từ, Kiều luôn luôn phải mang mặc cảm hàm ơn. Cố thứ ba

là do sự vắng mặt của một điều kiện căn bản của Tình yêu: sự tự do. Trong cái cảnh địa ngục lầu xanh tù hãm, Thúy Kiều không thể không hưởng ứng lời đề nghị của Thúc và Từ. Nói một cách khác Thúy Kiều không có quyền chọn lựa bởi không có thể từ chối. Ba cái cố vừa nêu lên lại là ba điều kiện tất yếu để tình yêu nảy nở. Ba điều kiện đó tôi nhận thấy đầy đủ trong mối tình Kim - Kiều. Vậy theo dõi những bước tiến triển của mối tình này, ta chắc chắn sẽ gặp được những suy tư của Nguyễn về tình yêu” [15, tr.95].

Khác với điểm nhìn của Vũ Khắc Khoan về tình yêu trong *Truyện Kiều*, Phạm Văn Song trong bài viết: “Vài cảm nghĩ về *Truyện Kiều* hay mối tình Thúy Kiều - Kim Trọng” (*Nghiên cứu văn học*, số 9, 1971), thì chấp nhận cả ba mối tình Kim - Kiều; Thúc - Kiều và Từ - Kiều. Bởi, theo Phạm Văn Song, mỗi cuộc tình đem lại cho đời Kiều một ý nghĩa riêng gắn với bước đường 15 năm luân lạc của Kiều. Vì thế, trong mỗi cảnh biệt ly giữa Kiều với người mình yêu, Nguyễn Du lại thể hiện một thế giới tâm trạng khác biệt. Với mối tình Kim Kiều đó là: “Gìn vàng giữ ngọc cho hay/ Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời”; Với Thúc Sinh - Thúy Kiều là: “Chén đưa nhớ buổi hôm nay/ Chén mừng xin đợi ngày rày năm sau”; Còn đối với Từ Hải - Thúy Kiều thì: “Tiếc thay chút nghĩa cũ càng/ Dẫu lia ngỏ ý còn vương tơ lòng”. Rồi Phạm Văn Song đi đến kết luận về giá trị của *Truyện Kiều*, hoàn toàn khác với các nhà nghiên cứu khác khi ông xác quyết: “*Truyện Kiều* không phải là một thứ tác phẩm mang sắc thái triết học, có ý chứng minh thuyết tài mệnh tương đố, cũng không phải là một tác phẩm có tính chất luân lý như một số đông nhà đạo đức đã gán ghép, *Truyện Kiều* chỉ là một quyển

tiểu thuyết tâm lý ái tình không hơn không kém. Nhưng đây là một quyển tiểu thuyết điểm tình có giá trị vì đã phơi bày một thực trạng tâm lý của lòng người và phân tích được nhiều khía cạnh tình yêu của con người muôn nơi và muôn thuở” [18, tr.68].

Đồng quan điểm với Phạm Văn Song, Thiên Thụy ở bài viết “Một Thúy - Kiều, ba tình yêu” (*Nghiên cứu văn học*, số 9, 1971) cũng cho rằng trong 15 năm luân lạc của mình, Thúy Kiều có ba tình yêu. Đó là tình yêu với Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải. Và mỗi tình yêu có một màu sắc riêng, hương vị riêng, ý nghĩa riêng và “tính chất phức tạp của tình yêu đã thể hiện ở con người Thúy Kiều” [21, tr.19]. Và từ cơ sở phân tích diễn trình tâm lý, tình cảm và cách ứng xử trong tình yêu của Thúy Kiều đối với Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải, Thiên Thụy đã đi đến một nhận định khá tinh tế khi xác quyết: “Tình yêu của nàng [*Thúy Kiều* - *THA*] đối với Kim Trọng là tình yêu chiêm ngưỡng. Còn tình yêu giữa nàng và Thúc Sinh cùng Từ Hải là tình yêu chiếm đoạt [...] Thúy Kiều đã sống rất nhiều, đã yêu rất nhiều, tình yêu của nàng rất phức tạp. Nàng đã yêu Kim Trọng, Thúc Sinh và Từ Hải bằng những mối tình khác nhau. Ngay tình yêu giữa nàng và Kim Trọng cũng thay đổi theo thời gian và cảnh ngộ. Kiều là một nhân vật sống động và Nguyễn Du tiên sinh là một bậc thiên tài vậy” [21, tr.31,33]. Đồng quan điểm với Phạm Văn Song và Thiên Thụy, Phạm Thế Ngũ trong *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên tập 2*, khi nghĩ về những người tình của Thúy Kiều đã cho rằng: “Trong cuộc đời tình ái của Thúy Kiều, nàng đã biết ba người đàn ông mà tác giả [*Nguyễn Du* - *THA*] đã để công phác họa tâm lý kỹ lưỡng. Đó là “Kim Trọng, con

người đa tình mà lại trung hậu thủy chung... Thúc Sinh nhu nhược hèn nhát. Lấy Kiều rồi sao không che chở được cho nàng... Từ Hải là một võ tướng lại có tâm hồn đa tình và nếp sống ưu du của một nghệ sĩ, yêu Kiều và đem đến cho Kiều những hạnh phúc nhất định nhưng lại nghe lời Kiều đầu hàng rồi chết oan tở ra Từ Hải hữu dũng vô mưu” [14, tr.375].

Cũng bàn về tình yêu ở *Truyện Kiều* nhưng từ điểm nhìn đối sánh với tình yêu trong tiểu thuyết hiện đại Việt Nam và thế giới, trong bài viết “Cách yêu mỗi thời...” (*Bách khoa Thời đại*, số 209, 1965), trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân đối với Kim Trọng, Võ Phiến cho rằng: “Trong cuốn *Đoạn trường tân thanh*, hai chị em họ Vương trình bày hai tương quan nam nữ khác nhau: một đang ăn ở để huê với chàng Kim, sinh con đẻ cái sum vầy mà giữa đôi bên chỉ có cái nghĩa vợ chồng, không hề có cái tình trai gái; đằng khác cùng chàng Kim yêu thương mê đắm mà trước sau không có một lần chung chạ. Ngoài đời vẫn có như vậy nhưng trong tác phẩm của Nguyễn Du thì sự “phân loại” thật quả cứng rắn khắt khe: để cho bên tình bên nghĩa được phân minh, Nguyễn Du không ngần ngại những điều quá đáng, không ngại ép uống tâm lý nhân vật đến chỗ trái với thường tình. Ai đời Kim Kiều tái ngộ trong độ trẻ trung chừng ấy, tình còn thắm thiết chừng ấy, sớm tối ra vào gần gũi nhau chừng ấy mà tác giả nhất mực không cho họ “biết” nhau đến cùng thì ai mà chịu được” [16, tr.103]. Rồi, Võ Phiến đi đến kết luận: “Chính cái quá trốn ấy làm cho thấy rõ quan niệm về ái tình trong cuốn truyện tình lớn lao nhất của văn học ta. Ái tình ở trong tác phẩm là thế đấy, là những rung động cảm

xúc, là những nhớ thương tha thiết mà không đi đến đâu...” [16, tr.103].

Tình yêu vốn có nhiều lý lẽ mà chính lý trí của người đang yêu cũng không thể nào hiểu nổi, vì thế, luận giải vấn đề tình yêu trong *Truyện Kiều* ta cũng luôn bắt gặp những ý kiến khác biệt bất ngờ và thú vị. Vũ Hạnh, vốn là một trong những cây bút tiêu biểu cho khuynh hướng phê bình Mác xít của văn học miền Nam trước 1975, trong bài viết “Tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy Kiều”, khi thay mặt Trung tâm Văn Bút Việt Nam trình bày trong dịp Bộ Văn hóa tổ chức lễ kỷ niệm Nguyễn Du ngày 10/9/1970 tại Thính đường Đại học Sư phạm Sài Gòn, lý giải về tình yêu của Thúy Kiều trong tương quan với Thúc Sinh và Từ Hải, khi Kiều buộc phải lựa chọn: *Một là cứ việc gia hình/ Hay là cứ việc lầu xanh phở về*. Và Kiều đã chọn thoát khỏi chốn lầu xanh ô nhục dù phải nhận lấy “sự gia hình thảm khốc”. Và theo Vũ Hạnh: “Rõ ràng không phải vì yêu Thúc Sinh mà Kiều làm vậy, Kiều đâu là thánh tử vì đạo ở trong tôn giáo Ái tình! Thúc Sinh chỉ là cây sào cho nàng vùi lấy ra khỏi đống bùn, như nàng đã từng lằm lằm bám lấy cây sào Sở - Khanh, một ngày nào đó hay may mắn hơn bám lấy cây sào Từ - Hải một buổi sau này. Những mối liên hệ tình cảm như thế của Kiều không phải là kiểu lang chạ lãng mạn hay một ham muốn lãng loạn của kẻ sa đọa tinh thần, mà chỉ có ý nghĩa của người muốn được giải thoát, muốn được rời bỏ vũng nước tầm thường, hèn hạ để lên mảnh đất sạch sẽ bình thường. Làm một con người bình thường, lương thiện, đó là khát vọng duy nhất của Kiều” [8, tr.12].

Những cảm nhận về tình yêu trong *Truyện Kiều* của Vũ Khắc Khoan, Phạm

Văn Song, Thiên Thụy, Vũ Hạnh, Võ Phiến... đã cho thấy sự đa điểm nhìn ở cách hiểu và cảm về tình yêu trong *Truyện Kiều* mà sự sáng tạo của Nguyễn Du khi kiến tạo *tình yêu* của Thúy Kiều, nhân vật trung tâm của *Đoạn trường tân thanh* là một tiếng gọi thể thiết như chính tên gọi tác phẩm mà thi nhân đã chọn lựa như một tâm thức hiện sinh thấm đẫm nỗi đau thân phận vốn là yếu tính của Tình yêu nên nó chạm đến tâm cảm người đọc mọi thời.

### 2.5. Một số bình diện nghiên cứu khác về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*

Ngoài những vấn đề nghiên cứu về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* như đã nêu trên, trong đời sống văn học miền Nam trước 1975 còn có một số bài viết bàn đến nhiều vấn đề khác liên quan đến Nguyễn Du và *Truyện Kiều* như: Thuần Phong với “Phần đóng góp của văn học bình dân trong văn học bác học hay là nguồn văn liệu của Trinh tử và Kim Vân Kiều” (*Bách khoa*, số 22-23-29-30, 1957), Vũ Đức Trinh với “*Truyện Kiều* với người ngoại quốc” (*Văn hóa Á châu*, số 2, 1958); Vương Hồng Sển với “Nguyễn Du và Bộ chén trà Mai Hạc (năm đi sứ Quý Dậu 1813)” (*Bách khoa Thời đại*, số 209, 1965); Nguyễn Hiến Lê và Trương Văn Chình “Tiếng “đâu” trong *Truyện Kiều*” (*Văn*, số 43, 1965); Trần Ngọc Ninh với “Ý nghĩa *Truyện Kiều* trong dân gian” (*Bách khoa*, số 381, 1972); Bùi Hữu Sùng với “Nghệ thuật vang bóng trong *Truyện Kiều*” (*Bách khoa*, số 381, 1972); Vũ Văn Kính “Cụ nghề Mai, một giọt máu đào của họ Nguyễn Tiên Điền” (*Bách Khoa*, số 381, 1972)... Ngoài ra, còn có một số công trình khảo cứu như: *Chân dung Nguyễn Du*, Nam Sơn xuất bản, 1960 của nhiều tác giả; *Giá trị triết học và*

*tôn giáo trong Truyện Kiều*, Đông Phương xuất bản, 1966 của Thích Thiên Ân; *Vụ án Truyện Kiều*, Viện Đại học Đà Lạt ấn hành, 1972 của Nguyễn Văn Trung... Những công trình này đã góp phần hoàn thiện chân dung Nguyễn Du và *Truyện Kiều* trong đời sống văn học miền Nam trước 1975 mà không thể không đề cập khi nghiên cứu, luận bàn về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*.

Những công trình nghiên cứu về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* hiện hữu trong đời sống văn học miền Nam trước 1975 được đề cập đến trong bài viết không phải đã đủ đầy mà chỉ là một phần tương đối chúng tôi có cơ may tìm thấy trong điều kiện có thể. Bởi, do nhiều nguyên nhân mà đến nay các bài viết, các công trình nghiên cứu về nhiều hiện tượng văn học Việt Nam và thế giới, trong đó có Nguyễn Du và *Truyện Kiều* đã bị khuất lấp theo thời gian nên rất khó tìm thấy. Đây là điều đáng tiếc đối với việc bảo tồn di sản văn chương dân tộc vốn không giàu có của chúng ta mà bất cứ ai có chân tâm với nền văn học nước nhà không khỏi thấy xa xót. Bài viết này, vì vậy chỉ là những nét chấm phá bước đầu về tình hình nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* trong đời sống văn học miền Nam trước 1975, góp phần xác lập giá trị của một nền nghiên cứu, phê bình văn học từ những hệ hình lý thuyết mới mà chúng ta chưa có điều kiện nhận diện hết được.

### 3. Thay lời kết

Trong tiến trình vận động và phát triển của lịch sử văn học dân tộc, có lẽ chưa có hiện tượng văn học nào được luận bàn, bình giá từ nhiều hệ hình tư tưởng và lý thuyết văn học khác nhau như Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Nhưng tại sao, dù được khám

phá từ nhiều điểm nhìn như thế mà Chơn Hạnh vẫn cho rằng: “Thúy Kiều và Nguyễn Du mãi mãi là một ẩn ngữ” [7, tr.91]. Vì vậy, việc giải mã hiện tượng Nguyễn Du và *Truyện Kiều* với tư cách là một điển ngôn nghệ thuật từ những thông điệp mang tính “ẩn ngữ” mà thi sĩ gởi gắm trong *Truyện Kiều* là một thử thách không nhỏ đối với các nhà nghiên cứu.

Cách đây hơn phần tư thế kỷ, trong bài viết: “Cửa vào *Đoạn trường tân thanh*” (*Chân dung Nguyễn Du*, 1960), Thanh Tâm Tuyền đã cho rằng: “*Đoạn trường tân thanh* là tiếng kêu đứt ruột của một giấc tỉnh sau 300 năm. Ý thức ấy tìm về cuộc đời đem vào một chút hy vọng cho những số kiếp đầy đọa không còn thiết sống, đó là một ý thức muốn hồi sinh, ý thức của thiên tài. Vào *Đoạn trường tân thanh* bằng cửa ngõ ấy, người ta mới mong gặp Nguyễn Du trong thế giới của người, thế giới chân thật có đời sống và nghệ thuật” [15, tr.128]. Thanh Lãng trong khảo luận “Kiều qua 150 năm suy nghĩ văn học” (*Văn hóa Nguyệt San*, 1965; Song, sau đó, theo yêu cầu của nhiều độc giả, nhất là sinh viên Văn khoa nên Thanh Lãng cho đăng lại trên *Nghiên cứu văn học* số 8/1971) và, sau khi phân tích, luận giải những điểm dị biệt giữa hai miền Nam - Bắc, giai đoạn 1954 -1975, trong việc nghiên cứu về Nguyễn Du và *Truyện Kiều*, Thanh Lãng đã đặt ra một vấn đề khá lý thú nhưng không bao giờ xưa cũ khi ông cho rằng: “Cuộc đời Nguyễn Du một hiện hữu kỳ quái gở lạ. Hiện hữu quái gở ấy, với tiếng kêu não nề, đứt ruột, đang chiếu hắt lên tám phong cuộc đời và ngân vang tiếng rên la rên rĩ khắp sân khấu xã hội khiến cho mọi người phải cảm thấy nôn nao quay cuồng. Tất cả ngần ấy thứ chứng tỏ Nguyễn Du là một thiên tài, đã muốn bắt

chức tạo hóa cũng tạo dựng nên một đứa con tinh thần của mình. Vậy như con người là hình ảnh của Thượng Đế thế nào thì, dưới mọi chiều phía, Kiều cũng là hình ảnh của Nguyễn Du như vậy” [11, tr.17].

Và cách đây 48 năm, từ góc nhìn toàn cầu, ở bài viết “Nguyễn Du, nghệ thuật như một chiến thắng”, luận về giá trị *Truyện Kiều*, Đặng Tiến đã xác quyết: “Khi ở quê hương, giá trị chưa được xác định, thì *Đoạn trường tân thanh* đã chinh phục một số độc giả càng ngày càng đông đảo ở hoàn cầu. Nói đến văn học Việt Nam, văn giới quốc tế đều biết Nguyễn Du và chỉ biết Nguyễn Du. Tác phẩm và tác giả đều có tên trong hầu hết những từ điển văn liệu lớn của thế giới. Và trong các từ điển đó, chỉ có một tên Việt nam. Tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, đã được nhiều học giả chú ý và phân tích. Riêng phần chúng ta chỉ mới nói chuyện chung quanh tác phẩm chứ chưa góp một ý niệm nào quyết định về giá trị của tác phẩm được xem như là tiêu biểu cho xứ sở” [20, tr.19,20].

Nêu ý kiến của một số nhà nghiên cứu để khép lại bài viết này, chúng tôi chỉ muốn xác quyết rằng: Vì là một “ẩn ngữ” nên *Truyện Kiều* mãi mãi là một điển ngôn mang tính đa nghĩa luôn vẫy gọi các nhà nghiên cứu mọi thời đại khám phá và sáng tạo. Không những thế, *Truyện Kiều* luôn sống trong hồn thiêng sông núi nước nhà như học giả Phạm Quỳnh đã khẳng định trong bài diễn thuyết nhân ngày mất của Nguyễn Du cách đây 96 năm, do Hội Khai Trí Tiến Đức tổ chức ngày 8/9/1924 tại Hà Nội: “*Truyện Kiều* còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn”... Và, tôi nghĩ rằng với tư tưởng nhân bản mà Nguyễn Du đã thể hiện ở *Truyện Kiều* cũng như ở những tác phẩm khác trong

văn nghiệp của mình, Nguyễn Du và *Truyện Kiều* sẽ mãi mãi tồn sinh cùng với sự tồn sinh của “Tiếng Nước Tôi” như những lời nhạc chứa đầy tình tự dân tộc mà nhạc sĩ Phạm Duy đã cất lên tha thiết trong bài *Tình ca* nổi tiếng, mà một trong những mỹ cảm làm nên bản *Tình ca* bất hủ này là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du như Phạm Duy đã chia sẻ: “Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời người ơi!... Mẹ hiền ru những câu xa vời, À à ơi tiếng ru muôn đời [...] Một yêu cầu hát *Truyện Kiều*... Lắng lơ như tiếng sáo diều ở diều làng ta” [3, tr.8, 9].

Và, Nguyễn Du - *Truyện Kiều* mãi là “tiếng sáo diều thiêng liêng” của Tổ quốc bay cao, bay xa trong tâm thức những người Việt Nam yêu nước và yêu ngôn ngữ dân tộc.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hà Như Chi (1956), *Việt Nam thi văn giảng luận*, Tân Việt Xb., Sài Gòn.
- [2] Phạm Văn Diêu (1970), *Việt Nam văn học giảng bình*, Hoàn Sơn Xb., Sài Gòn.
- [3] Phạm Duy (2005), *Ngày trở về*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Phạm Văn Đăng, (1975), *Các thuyết văn học*, Lửa Thiêng Xb., Sài Gòn.
- [5] Thạch Trung Giả (1973), *Văn học phân tích toàn thư*, Lá Bối Xb, Sài Gòn.
- [6] Lê Văn Hào (1965), “Nguyễn Du và *Truyện Kiều* trong truyền thống dân gian”, *Bách khoa thời đại*, số 209.
- [7] Chơn Hạnh (1970), “Nguyễn Du trên con đường trở về của Phật giáo”, *Tư tưởng*, số 8.
- [8] Vũ Hạnh (1970), “Tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy Kiều”, *Bách khoa*, số 329.
- [9] Tam Ích (1969), *Văn Nghệ và phê bình*, Nam Việt Xb., Sài Gòn.
- [10] Nguyễn Khoa (1960), “Thử so sánh *Chinh phụ ngâm khúc* với *Đoạn trường tân thanh*”, *Nguyệt san Văn hóa*, số 55.
- [11] Thanh Lãng (1971), “*Kiều* qua 150 năm suy nghĩ văn học”, *Nghiên cứu văn học*, số 8.
- [12] Hoàng Trọng Miên (1960), *Việt Nam văn học toàn thư*, Tập I, Cảo Thơm Quốc hoa Xb., Sài Gòn.
- [13] Lê Nghị (2020), “Thử “giải mã” lại *Truyện Kiều* (Thái Lộc - Sơn Lâm tường thuật)”, báo Tuổi trẻ, thứ năm ngày 17/9.
- [14] Phạm Thế Ngũ (1962), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, Tập II, Quốc học Tùng thư Xb., Sài Gòn.
- [15] Nhiều tác giả (1960), *Chân dung Nguyễn Du* (Khảo luận), Nam Sơn Xb., Sài Gòn.
- [16] Võ Phiến (1965), “Cách yêu mỗi thời...”, *Bách khoa thời đại*, số 209.
- [17] Nguyễn Sa (1957), “Nguyễn Du trên những nẻo đường tự do”, *Sáng tạo*, tháng 12.
- [18] Phạm Văn Song, “Vài cảm nghĩ về *Truyện Kiều* hay mối tình Thúy Kiều - Kim Trọng”, *Nghiên cứu văn học* số 9/1971
- [19] Doãn Quốc Sỹ và Việt Tử (1960), *Khảo luận về Đoạn trường tân thanh*, Nam Sơn Xb., Sài Gòn.
- [20] Đặng Tiến, (1972), *Vũ trụ thơ*, Giao điểm Xb., Sài Gòn
- [21] Thiên Thụy (1971), “Một Thúy - Kiều, ba tình yêu”, *Nghiên cứu văn học*, số 9.